

Số /BC-UBND

Minh Lập, ngày tháng năm 2024

DỰ THẢO

BÁO CÁO

**Đánh giá kết quả và đề nghị công nhận xã Minh Lập
đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023**

I. Kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

1. Về chỉ đạo, hướng dẫn, tổ chức thực hiện

Thực hiện Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Thông tư số 09/2021/TT-BTP ngày 15/11/2021 của Bộ Tư pháp hướng dẫn thi hành Quyết định số 25/2021/QĐ-TTg ngày 22/7/2021 của Thủ tướng Chính phủ về xây dựng xã, phường đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

Hội đồng đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật được lãnh đạo UBND xã phân công nhiệm vụ cho các thành viên theo dõi, rà soát các tiêu chí; quán triệt, phổ biến, nâng cao nhận thức về vị trí, vai trò, nhiệm vụ xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; Bảo đảm công khai, minh bạch trong quá trình đánh giá các tiêu chí tiếp cận pháp luật.

2. Kết quả tự chấm điểm, đánh giá các tiêu chí, chỉ tiêu

a) Đối với tiêu chí 1:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 0/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 02/02 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/02 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 08/10 điểm.

b) Đối với tiêu chí 2:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 04/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 06/06 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/06 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 28/30 điểm.

c) Đối với tiêu chí 3:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 01/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 03/03 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/03 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 12,5/15 điểm.

d) Đối với tiêu chí 4:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 05/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 0/05 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/20 điểm.

đ) Đối với tiêu chí 5:

- Số chỉ tiêu đạt điểm tối đa: 03/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 03/04 chỉ tiêu.
- Số chỉ tiêu đạt điểm 0: 01/04 chỉ tiêu.
- Số điểm đạt được của tiêu chí: 20/25 điểm.

3. Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

a) Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.

b) Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 88,5/100 điểm.

c) Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

d) Mức độ đáp ứng các điều kiện công nhận đạt chuẩn tiếp cận pháp luật: Đáp ứng được 03/03 điều kiện.

II. Những thuận lợi, khó khăn trong thực hiện các tiêu chí, chỉ tiêu và đánh giá xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật; đề xuất giải pháp khắc phục

1. Thuận lợi

- Được sự quan tâm của sở Tư Pháp và Phòng Tư pháp huyện đã tập huấn, phổ biến đầy đủ nội dung, ý nghĩa của việc xây dựng xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật đến cán bộ, công chức xã, thị trấn trên địa bàn huyện.

- Cấp ủy đảng, chính quyền địa phương luôn quan tâm xây dựng cấp xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật. Trên cơ sở vừa làm vừa rút kinh nghiệm, kết hợp với đánh giá tổng kết thực tiễn và làm rõ nguyên nhân thuận lợi, khó khăn...qua đó đã đạt được những kết quả quan trọng, nhất là công tác chỉ đạo, triển khai, hướng dẫn và tuyên truyền nâng cao nhận thức trong cán bộ và nhân dân trên địa bàn xã.

2. Tồn tại, hạn chế, khó khăn, vướng mắc và nguyên nhân

Trong quá trình xây dựng xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023 bên cạnh những kết quả đã đạt được vẫn còn có những hạn chế, tồn tại nhất định trong tổ chức thực hiện

Nhận thức một số ít cán bộ cấp xóm và nhân dân trong việc xây dựng, đánh giá địa phương đạt chuẩn tiếp cận pháp luật còn chưa thực sự quan tâm; sự phối hợp của một số bộ phận chuyên môn liên quan còn chưa chặt chẽ, đồng bộ.

3. Đề xuất, kiến nghị các giải pháp khắc phục

- Cần bổ sung thêm biên chế để giảm tải công việc cho công chức làm công tác đánh giá chuẩn tiếp cận pháp luật

III. Mục tiêu, kế hoạch thực hiện

- Tăng cường vai trò trách nhiệm, chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Hàng năm UBND huyện tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho các lãnh đạo UBND xã và các cán bộ liên quan đến các tiêu chí để chấm điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức phù hợp để cá nhân, tổ chức dễ dàng hiểu rõ và chấp hành tốt các quy định;

IV. Đề nghị công nhận xã, phường, thị trấn đạt chuẩn tiếp cận pháp luật

Với những kết quả đã đạt được ủy ban nhân dân xã Minh Lập kính đề nghị Chủ tịch Ủy ban nhân dân huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên xem xét, quyết định công nhận xã Minh Lập đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023.

Kèm theo báo cáo này gồm có:

1. Bản tổng hợp điểm số của các tiêu chí, chỉ tiêu;
2. Bản tổng hợp, tiếp thu, giải trình ý kiến của Nhân dân, kiến nghị, phản ánh của tổ chức, cá nhân về kết quả đánh giá đạt chuẩn tiếp cận pháp luật (nếu có);
3. Tài liệu khác có liên quan: - Tài liệu đánh giá các chỉ tiêu, tiêu chí.

Nơi nhận:

- UBND huyện Đồng Hỷ;
- TT Đảng ủy, TT HĐND;
- Lưu: VT, TP.

CHỦ TỊCH

Vũ Văn Mác

Số: /UBND-BB

Minh Lập, ngày 02 tháng 01 năm 2024

DỰ THẢO

BIÊN BẢN

Họp đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2022

Hồi 13 giờ 20 phút ngày 02/01/2024, tại UBND xã Minh Lập, huyện Đồng Hỷ, tỉnh Thái Nguyên

Ủy ban nhân dân xã Minh Lập tiến hành họp đánh giá, thống nhất kết quả đạt chuẩn tiếp cận pháp luật năm 2023

1. Thành phần tham dự gồm:

STT	Họ và tên	Chức vụ
1	Ông Vũ Văn Mác	Chủ tịch UBND xã - Chủ trì cuộc họp
2	Ông Ngô Văn Tài	Phó Chủ tịch UBND xã
3	Ông Đặng Văn Tuyên	Phó Chủ tịch UBND xã
4	Ông Nguyễn Văn Hải	Chủ tịch UBMTTQ xã
5	Ông Ngô Ngọc Tú	Công chức TP- HT - Thư ký
6	Bà Nguyễn Thị Bình	Công chức VP - TK xã
7	Ông Vũ Anh Thái	Trưởng Công an xã
8	Ông Lý Bá Vinh	Chỉ huy Trưởng quân sự xã
9	Ông Lưu Văn Báo	Công chức VH - XH xã
10	Bà Nguyễn Thị Bích Thoa	Công chức ĐC - XD xã

11	Bà Triệu Thị Thu Huyền	Công chức VH- XH xã
12	Bà Nguyễn Thị Thảo	Công chức Kế toán - tài chính
13	Ông Chu Quốc Bảo	Chủ tịch HND xã
14	Bà Lê Hồng Nhíp	Chủ tịch LHPN xã
15	Ông Chu Quốc Nam	Chủ tịch CCB xã
16	Ông: Đặng Văn Lâm	Bí thư Đoàn thanh niên xã
17	Ông Đoàn Văn Chiến	Trưởng xóm Trại Cài
18	Ông Trần Xuân Điền	Trưởng xóm Cà Phê
19	Ông Đặng Đức Oai	Trưởng xóm Minh Lý
20	Ông Tô Văn Hợi	Trưởng xóm An Bình
21	Ông Vi Văn Chiến	Trưởng xóm Bình Ca
22	Ông Nông Thanh Quảng	Trưởng xóm Bình Minh
23	Ông Ngô Văn Độ	Trưởng xóm Minh Tiến

2. Các nội dung xem xét, đánh giá, thống nhất kết quả các Chỉ tiêu, tiêu chí

a) Tiêu chí 1: 8/10 điểm cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: 2/3 điểm
- Chỉ tiêu 2: 6/7 điểm
- + Trừ 1 điểm mục 1 chỉ tiêu 1 (Không ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao)
- + Trừ 1 điểm mục 2 chỉ tiêu 2 (Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân đạt 98%)

b) Tiêu chí 2: 28/30 điểm cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: 5/6 điểm

+ Trừ 0,5 điểm mục 2 chỉ tiêu 2 (Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm 95%)

+ Trừ 0,5 điểm mục 3 chỉ tiêu 2 (Công khai thông tin chính xác, đầy đủ đạt 95%)

- Chỉ tiêu 2: 5/5 điểm

- Chỉ tiêu 3: 7/8 điểm

+ Trừ 1 điểm mục 2 chỉ tiêu 3 (Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch 95%)

- Chỉ tiêu 4: 5/5 điểm

- Chỉ tiêu 5: 3/3 điểm

- Chỉ tiêu 6: 3/3 điểm

c) Tiêu chí 3: 12,5/15 điểm cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: 6/7 điểm

+ Trừ 1 điểm mục 2 chỉ tiêu 1 (Các vụ, việc hòa giải thành 90%)

- Chỉ tiêu 2: 2,5/4 điểm

+ Trừ 1,5 điểm mục 2 chỉ tiêu 2 (Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền)

- Chỉ tiêu 3: 4/4 điểm

d) Tiêu chí 4: 20/20 điểm cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: 3/3 điểm

- Chỉ tiêu 2: 4/4 điểm

- Chỉ tiêu 3: 4/4 điểm

- Chỉ tiêu 4: 4/4 điểm

- Chỉ tiêu 5: 5/5 điểm

đ) Tiêu chí 5: 20/25 điểm cụ thể:

- Chỉ tiêu 1: 7/7 điểm

- Chỉ tiêu 2: 7/7 điểm

- Chỉ tiêu 3: 0/5 điểm

Trừ 5 điểm chỉ tiêu 3 (Có công chức bị xử lý kỷ luật hành chính)

- Chỉ tiêu 4: 6/6 điểm

3. Ý kiến của thành viên tham dự họp xét, đánh giá:

- Tăng cường vai trò trách nhiệm, chỉ đạo hướng dẫn tổ chức thực hiện hoạt động chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Hàng năm Ủy ban nhân dân huyện tổ chức các lớp tập huấn, bồi dưỡng kiến thức đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật cho các lãnh đạo UBND xã và các cán bộ liên quan đến các tiêu chí để chấm điểm đánh giá xã đạt chuẩn tiếp cận pháp luật.

- Tiếp tục tăng cường công tác tuyên truyền, phổ biến bằng nhiều hình thức phù hợp để cá nhân, tổ chức dễ dàng hiểu rõ và chấp hành tốt các quy định.

4. Kết luận của tịch UBND xã:

- Số tiêu chí đạt từ 50% số điểm tối đa trở lên: 05/05 tiêu chí.

- Tổng điểm số đạt được của các tiêu chí: 88,5/100 điểm

- Trong năm đánh giá, không có cán bộ, công chức là người đứng đầu cấp ủy, chính quyền cấp xã bị xử lý kỷ luật hành chính do vi phạm pháp luật trong thi hành công vụ hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự.

Cuộc họp kết thúc vào lúc 16 giờ 30 phút cùng ngày. Biên bản này được lập thành 2 bản, 01 bản kèm theo hồ sơ Chuẩn tiếp cận pháp luật, 01 bản lưu giữ tại UBND xã./.

THƯ KÝ CUỘC HỌP
(Ký và ghi rõ họ tên)

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH
(Ký và ghi rõ họ tên)

Ngô Ngọc Tú

Vũ Văn Mác

Minh Lập, ngày tháng năm 2024

(DỰ THẢO)

BẢN TỔNG HỢP ĐIỂM SỐ CỦA CÁC TIÊU CHÍ, CHỈ TIÊU

Tiêu chí, chỉ tiêu	Nội dung, cách tính điểm	Điểm số tối đa	Căn cứ chấm điểm		Điểm số tự chấm	Chữ ký của công chức phụ trách
			Số liệu thực hiện (1)	Tỷ lệ đạt được (2)		
Tiêu chí 1	Ban hành văn bản theo thẩm quyền để tổ chức và bảo đảm thi hành Hiến pháp và pháp luật trên địa bàn	10			8	
Chỉ tiêu 1	Ban hành đầy đủ, đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được cơ quan có thẩm quyền giao (Trong năm đánh giá không có nhiệm vụ được giao ban hành văn bản quy phạm pháp luật được tính 03 điểm)	3	Không ban hành văn bản quy phạm pháp luật do luật giao		2	
	1. Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	1			0	
	a) Ban hành đầy đủ các văn bản quy phạm pháp luật	1			0	
	b) Không ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên	0				
	2. Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật được giao trong năm đánh giá	2			2	
	a) Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản quy phạm pháp luật	2			2	
	b) Ban hành từ 01 (một) văn bản quy phạm pháp luật trở lên trái pháp luật và bị cơ quan có thẩm quyền xử lý	0				
Chỉ tiêu 2	Ban hành đúng quy định pháp luật các văn bản hành chính có nội dung liên quan trực tiếp đến quyền, lợi ích của tổ chức, cá nhân (sau đây gọi chung là văn bản hành chính) Tỷ lệ % = (Tổng số văn bản hành chính đã ban hành đúng thẩm quyền, thời hạn và không bị cơ quan có thẩm quyền xử lý do có nội dung trái pháp luật/Tổng số văn bản hành chính đã ban hành trong năm đánh giá) x 100	7			6	
	a) Đạt 100%	7				

	b) Từ 95% đến dưới 100%	6			6	
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
Tiêu chí 2	Tiếp cận thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật	30			28	
Chỉ tiêu 1	Công khai các thông tin kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin và thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	6			5	
	1. Lập, đăng tải (hoặc niêm yết) Danh mục thông tin phải được công khai, Danh mục thông tin công dân được tiếp cận có điều kiện (sau đây gọi chung là Danh mục thông tin) theo đúng quy định pháp luật	1			1	
	a) Lập Danh mục thông tin có đầy đủ các nội dung thông tin cần công khai và thường xuyên cập nhật Danh mục thông tin theo đúng quy định pháp luật	0,5			0,5	
	b) Đăng tải Danh mục thông tin (xã, phường, thị trấn có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc niêm yết Danh mục thông tin tại trụ sở của chính quyền cấp xã (xã, phường, thị trấn chưa có Cổng hoặc Trang thông tin điện tử) hoặc bằng hình thức phù hợp khác	0,5			0,5	
	2. Công khai thông tin đúng thời hạn, thời điểm <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng thời hạn, thời điểm / Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5			1	
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1			1	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Công khai thông tin chính xác, đầy đủ	2			1,5	

	<i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>					
	a) Đạt 100%	2				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5			1,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70 đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	4. Hình thức công khai thông tin đúng quy định pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã công khai đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin phải được công khai) x 100</i>	1,5			1,5	
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Cung cấp thông tin theo yêu cầu kịp thời, chính xác, đầy đủ theo đúng quy định pháp luật về tiếp cận thông tin <i>(Trong năm đánh giá không có yêu cầu cung cấp thông tin được tính 05 điểm)</i>	5			5	
	1. Cung cấp thông tin theo yêu cầu đúng thời hạn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng thời hạn/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100</i>	1,5	Trong năm không có yêu cầu cung cấp thông tin		1,5	
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	2. Cung cấp thông tin theo yêu cầu chính xác, đầy đủ	2			2	

	Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp chính xác, đầy đủ/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100					
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hình thức cung cấp thông tin đúng quy định pháp luật Tỷ lệ % = (Tổng số thông tin đã cung cấp đúng hình thức theo quy định pháp luật/Tổng số thông tin có yêu cầu đủ điều kiện cung cấp) x 100	1,5			1	
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1			1	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật hàng năm theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	8			7	
	1. Ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	2			2	
	a) Ban hành Kế hoạch trong 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	2			2	
	b) Ban hành Kế hoạch sau 05 (năm) ngày kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện ban hành Kế hoạch phổ biến, giáo dục pháp luật	1				
	c) Không ban hành Kế hoạch hoặc có ban hành Kế hoạch nhưng không đáp ứng yêu cầu về nội dung theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên	0				
	2. Triển khai các nhiệm vụ theo Kế hoạch (trừ nội dung của chỉ tiêu 5 của tiêu chí này): Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đề ra trong Kế hoạch) x 100	4			3	

	a) Đạt 100%	4				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3			3	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Triển khai các nhiệm vụ phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nhiệm vụ, hoạt động đã triển khai và hoàn thành trên thực tế/Tổng số nhiệm vụ, hoạt động phát sinh ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên được tính 02 điểm)</i>	2	<i>Trong năm đánh giá không phát sinh nhiệm vụ ngoài Kế hoạch theo chỉ đạo, hướng dẫn của cơ quan cấp trên</i>		2	
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Triển khai các hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả tại cơ sở	5			5	
	a) Có từ 02 (hai) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả trở lên	5			5	
	b) Có 01 (một) hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	3				
	c) Không có hình thức, mô hình thông tin, phổ biến, giáo dục pháp luật hiệu quả	0				
Chỉ tiêu 5	Tổ chức bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng phổ biến, giáo dục pháp luật cho tuyên truyền viên pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tuyên truyền viên pháp luật được tập huấn, bồi dưỡng/Tổng số tuyên truyền viên pháp luật của cấp xã) x 100</i>	3			3	
	a) Đạt 100%	3			3	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				

	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 6	Bảo đảm kinh phí, cơ sở vật chất, phương tiện để thực hiện nhiệm vụ phổ biến, giáo dục pháp luật theo đúng quy định pháp luật về phổ biến, giáo dục pháp luật	3			3	
	a) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	3			3	
	b) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 90% đến dưới 100% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	2				
	c) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 80% đến dưới 90% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	1				
	d) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 70% đến dưới 80% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,5				
	đ) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện từ 50% đến dưới 70% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0,25				
	e) Số kinh phí được bố trí đã bảo đảm thực hiện dưới 50% số nhiệm vụ quy định tại mục 2 chỉ tiêu 3 của tiêu chí này	0				
Tiêu chí 3	Hòa giải ở cơ sở, trợ giúp pháp lý	15			12,5	
Chỉ tiêu 1	Các mâu thuẫn, tranh chấp, vi phạm pháp luật thuộc phạm vi hòa giải ở cơ sở được hòa giải kịp thời, hiệu quả theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở (sau đây gọi chung là vụ, việc hòa giải) <i>(Trong năm đánh giá không phát sinh vụ, việc hòa giải được tính 07 điểm)</i>	7			6	
	1. Các vụ, việc hòa giải được tiếp nhận, giải quyết theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc đã hòa giải đúng quy định/Tổng số vụ, việc đã tiếp nhận) x 100</i>	3,5			3,5	
	a) Đạt 100%	3,5			3,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	e) Dưới 50%	0				
	2. Các vụ, việc hòa giải thành <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải thành/Tổng số vụ, việc được thực hiện hòa giải) x 100</i>	3,5			2,5	
	a) Đạt 100%	3,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	2,5			2,5	
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1,5				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Hỗ trợ kinh phí cho hoạt động hòa giải ở cơ sở theo đúng quy định pháp luật về hòa giải ở cơ sở	4			2,5	
	1. Có văn bản và dự toán kinh phí hỗ trợ hoạt động hòa giải gửi cơ quan có thẩm quyền cấp trên theo thời hạn quy định	1			1	
	2. Tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số tổ hòa giải được hỗ trợ kinh phí đúng mức chi theo quy định/Tổng số tổ hòa giải trên địa bàn) x 100</i>	1,5			0	
	a) Đạt 100%	1,5				
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Hỗ trợ thù lao hòa giải viên theo vụ, việc đúng mức chi theo quy định của cơ quan có thẩm quyền <i>Tỷ lệ % = (Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết được hỗ trợ thù lao cho hòa giải viên đúng mức chi theo quy định/Tổng số vụ, việc hòa giải đã giải quyết) x 100</i>	1,5			1,5	
	a) Đạt 100%	1,5			1,5	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	0,75				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				

	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Thông tin, giới thiệu về trợ giúp pháp lý theo đúng quy định pháp luật về trợ giúp pháp lý <i>Tỷ lệ % = (Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được thông tin, giới thiệu đến Trung tâm để thực hiện quyền được trợ giúp pháp lý/Tổng số người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng cư trú trên địa bàn mà Ủy ban nhân dân cấp xã có được thông tin theo quy định) x 100</i> <i>(Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng được tính 04 điểm)</i>	4			4	
	a) Đạt 100%	4	<i>Trong năm không phát sinh vụ, việc trợ giúp pháp lý liên quan đến người thuộc diện trợ giúp pháp lý là người bị buộc tội, bị hại, đương sự trong các vụ việc tham gia tố tụng</i>		4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Tiêu chí 4	Thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	20			20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức trao đổi, đối thoại với Nhân dân theo đúng quy định pháp luật về tổ chức chính quyền địa phương	3			3	
	1. Tổ chức hội nghị trao đổi, đối thoại với Nhân dân	2			2	
	a) Có tổ chức hội nghị	2			2	
	b) Không tổ chức hội nghị	0				
	2. Thông báo về thời gian, địa điểm, nội dung của hội nghị theo đúng quy định pháp luật	1			1	
	a) Thông báo đúng thời hạn, đúng hình thức	1			1	
	b) Không thông báo hoặc có thông báo nhưng không đúng thời hạn hoặc không đúng hình thức	0				
Chỉ tiêu 2	Tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, quyết định trực tiếp) x 100</i>	4			4	

	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân bàn, biểu quyết đúng hình thức, yêu cầu theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân bàn, biểu quyết) x 100</i>	4			4	
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 4	Tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn <i>Tỷ lệ % = (Tổng số nội dung đã đưa ra Nhân dân tham gia ý kiến đúng hình thức, yêu cầu và thực hiện tổng hợp, tiếp thu, thông báo việc tổng hợp, tiếp thu ý kiến của Nhân dân theo quy định pháp luật/Tổng số nội dung pháp luật quy định phải tổ chức để Nhân dân tham gia ý kiến) x 100</i>	4			4	
	a) Đạt 100%	4			4	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	3				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	2				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	1				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 5	Tổ chức để Nhân dân trực tiếp hoặc thông qua Ban Thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng thực hiện giám sát các nội dung theo đúng quy định pháp luật về thực hiện dân chủ ở xã, phường, thị trấn	5			5	

	1. Các nội dung để Nhân dân giám sát	4				
	a) Tổ chức giám sát từ 04 (bốn) nội dung trở lên	4			4	
	b) Tổ chức giám sát 03 (ba) nội dung	3				
	c) Tổ chức giám sát 02 (hai) nội dung	2				
	d) Tổ chức giám sát 01 (một) nội dung	1				
	đ) Không tổ chức giám sát	0				
	2. Cung cấp đầy đủ, kịp thời các thông tin, tài liệu cần thiết cho Ban thanh tra nhân dân, Ban giám sát đầu tư của cộng đồng	1			1	
Tiêu chí 5	Tổ chức tiếp công dân, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo, thủ tục hành chính; bảo đảm an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	25			20	
Chỉ tiêu 1	Tổ chức tiếp công dân, tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh, khiếu nại, tố cáo theo đúng quy định pháp luật về tiếp công dân, khiếu nại, tố cáo	7			7	
	1. Tổ chức tiếp công dân	3			3	
	a) Có nội quy tiếp công dân	0,5			0,5	
	b) Bố trí địa điểm, các điều kiện cần thiết, phân công người tiếp công dân; niêm yết công khai lịch tiếp công dân của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã tại trụ sở	0,5			0,5	
	c) Thực hiện đầy đủ, đúng trách nhiệm tiếp công dân tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã (ít nhất 01 ngày trong 01 tuần) và tiếp công dân đột xuất (nếu có)	1			1	
	d) Phối hợp, xử lý kịp thời vụ việc nhiều người cùng khiếu nại, tố cáo, kiến nghị, phản ánh về một nội dung; bảo đảm an toàn, trật tự cho hoạt động tiếp công dân	1			1	
	2. Tiếp nhận, giải quyết kiến nghị, phản ánh <i>Tỷ lệ % = (Tổng số kiến nghị, phản ánh được giải quyết đúng quy định pháp luật / Tổng số kiến nghị, phản ánh đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có kiến nghị, phản ánh được tính 02 điểm)</i>	2			2	
	a) Đạt 100%	2			2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				

	d) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
	3. Tiếp nhận, giải quyết khiếu nại, tố cáo <i>Tỷ lệ % = (Tổng số khiếu nại, tố cáo được giải quyết đúng quy định pháp luật / Tổng số khiếu nại, tố cáo đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i> <i>(Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo được tính 02 điểm)</i>	2			2	
	a) Đạt 100%	2	Trong năm đánh giá không có khiếu nại, tố cáo		2	
	b) Từ 90% đến dưới 100%	1,5				
	c) Từ 80% đến dưới 90%	1				
	d) Từ 70% đến dưới 80%	0,5				
	đ) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	e) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 2	Tiếp nhận, giải quyết thủ tục hành chính theo đúng quy định pháp luật về giải quyết thủ tục hành chính <i>Tỷ lệ % = (Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính được giải quyết đúng quy định pháp luật / Tổng số hồ sơ thủ tục hành chính đủ điều kiện giải quyết đã được tiếp nhận) x 100</i>	7			7	
	a) Đạt 100%	7			7	
	b) Từ 95% đến dưới 100%	6				
	c) Từ 90% đến dưới 95%	5				
	d) Từ 85% đến dưới 90%	4				
	đ) Từ 80% đến dưới 85%	3				
	e) Từ 75% đến dưới 80%	2				
	g) Từ 70% đến dưới 75%	1				
	h) Từ 50% đến dưới 70%	0,25				
	i) Dưới 50%	0				
Chỉ tiêu 3	Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5			0	
	a) Không có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	5	Trong năm có công chức bị xử lý kỷ luật hành chính		0	
	b) Có cán bộ, công chức bị xử lý kỷ luật hành chính hoặc bị truy cứu trách nhiệm hình sự	0				

Chỉ tiêu 4	Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự” theo đúng quy định pháp luật về an ninh quốc gia, trật tự, an toàn xã hội	6			6	
	a) Đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	6			6	
	b) Không đạt tiêu chuẩn “An toàn về an ninh, trật tự”	0				
Tổng điểm					88,5	

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

NGƯỜI THỰC HIỆN

Vũ Văn Mác

Ngô Ngọc Tú